

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đê

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Bé H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn Q** (chồng chị T), sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và chị Trần Thị Bé H là hàng xóm với nhau, chị Bé H là

Hiệu trưởng trường trung học cơ sở T nên chị mới tin tưởng cho chị Bé H vay tiền, vàng, cho vay nhiều lần từ năm 2016. Lúc đầu chị Bé H trả lãi đúng như thỏa thuận, sau đó dần dần chị Bé H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chị yêu cầu nhiều lần nhưng chị Bé H trả được rất ít. Sau đó chị và chị Bé H chốt nợ lại theo biên nhận ngày 08/10/2019 dương lịch, chị Bé H còn nợ chị là 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 140.000.000đồng, chị Bé H hẹn trong thời gian 2 tháng sẽ trả nhưng sau đó chị Bé H hẹn rất nhiều lần nhưng không trả.

Tại địa phương gồm ấp, xã giải quyết nhiều lần, chị Bé H hứa hẹn nhưng không thực hiện. Chị Bé H vay tiền ngân hàng nhưng không trả, có tiền xây dựng nhà nhưng nói không có khả năng. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu chị Bé H phải trả cho chị là 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và nợ gốc là 140.000.000đồng và nợ lãi là 70.000.000đồng.

Chị chỉ yêu cầu một mình chị Bé H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị vì khi chị cho vay chỉ cho một mình chị Bé H vay để chị Bé H làm ăn, khi chị cho vay thì chị Bé H chưa có chồng. Chị Bé H nói với chị vay tiền để mua đất, làm ăn, do tin tưởng nên chị mới cho chị Bé H vay.

* Bị đơn chị Trần Thị Bé H trình bày: Chị thừa nhận trước đây có vay mượn tiền, vàng của chị T để làm ăn, tuy nhiên do thất bại nên không có khả năng trả. Chị và chị T chốt nợ lại theo biên nhận ngày 08/10/2019 dương lịch, biên nhận do chị viết và ký tên, chị cũng thừa nhận còn nợ chị T là 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và nợ gốc số tiền là 140.000.000đồng. Khi hòa giải ở ấp, xã thì chị và chị T cũng chốt lại chị nợ tiền lãi là 70.000.000đồng.

Vì hoàn cảnh khó khăn, chị đã mất khả năng thanh toán cho nhiều người, hiện nay cũng còn nợ nhiều người nên chị xin chị T cho chị trả tiền gốc là 140.000.000đồng và 31 chỉ vàng 24k (loại 9999), còn tiền lãi thì chị xin không trả. Đồng thời chị xin chị T cho chị trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng, đến khi nào có khả năng thì trả nhiều hơn.

Nợ này là nợ cá nhân của chị, chị vay mượn chị T lúc chưa lập gia đình. Chị nhận trách nhiệm trả nợ một mình, không yêu cầu ai khác trả nợ cùng chị.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Q trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của vợ là chị T, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T yêu cầu chị Bé H phải trả 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và nợ gốc là 140.000.000đồng. Theo thỏa thuận tiền lãi giữa chị và chị Bé H là 70.000.000đồng, nay chị tự nguyện giảm thêm 20.000.000đồng, yêu cầu chị Bé H trả lãi là 50.000.000đồng. Yêu cầu chị Bé H trả một lần, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Bé H trả lại số tiền còn nợ vay theo thỏa thuận. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Bị đơn chị Bé H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Bé H.

[3] Chị T khởi kiện cho rằng chị Bé H có vay và làm biên nhận nợ ngày 08/10/2019 dương lịch, chị Bé H còn nợ gốc 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 140.000.000đồng. Chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay chị Bé H chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, biên nhận nợ ngày 08/10/2019, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hiện nay chị Bé H còn nợ chị T gốc 31 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 140.000.000đồng (bút lục 03, 05-07, 27, 31, 32). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T là

hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận vay có lãi suất, đồng thời hai bên cũng thống nhất số tiền lãi đã chốt vào ngày 18/02/2022 khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T, tiền lãi là 70.000.000đồng (bút lục 03). Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T tự nguyện giảm tiền lãi thêm 20.000.000đồng, yêu cầu chị Bé H trả lãi là 50.000.000đồng. Xét thấy, số tiền lãi hai bên chốt lại và chị T yêu cầu là thấp hơn nếu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, là có lợi cho chị Bé H. Do đó buộc chị Bé H trả số tiền lãi 50.000.000đồng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với ý kiến cũng như yêu cầu của chị Bé H xin trả dần mỗi tháng từ 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên chị T không đồng ý cho chị Bé H trả dần. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị Bé H xin trả dần. Trường hợp chị Bé H thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn đề cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Bé H có nghĩa vụ trả cho chị T 31 chỉ vàng 24k (loại 9999), tiền gốc là 140.000.000đồng và tiền lãi là 50.000.000đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.250.000đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Trần Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T 31 (ba mươi một) chỉ vàng 24k (loại 9999), tiền gốc là 140.000.000đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.250.000đồng (mười tám triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Chị T không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp là 9.513.000đồng theo lai thu số 0001085 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh